

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/DS-PT

Ngày: 21/3/2023

“V/v tranh chấp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức D – Văn phòng Luật sư Nguyễn Đức D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1982;

- Ông Trần Công Đ, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*** Người kháng cáo:** Bà Trần Thị H là bị đơn trong vụ án.

(Tất cả có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 22/4/2021 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Trước đây bà có làm chủ hội và bà H có tham gia các dây hội do bà làm chủ như sau:

+ Dây hội thứ nhất: Vào ngày 20/4/2020 ÂL, bà L làm chủ dây hội mệnh giá 5.000.000 đồng, gồm 30 hội viên và bà H có tham gia 03 phần. Sau khi hết bà H đóng đến tháng 4/2021 thì không đóng nữa, cho đến ngày 19/11/2021, bà L đã choàng cho bà H 07 tháng với số tiền 105.000.000 đồng, đến khi mãn hội thì bà L phải choàng tiếp số tiền là 165.000.000 đồng. Tổng cộng dây hội này bà H còn thiếu bà L số tiền 270.000.000 đồng.

Cũng trong ngày 20/4/2020 khai thêm phần hội mệnh giá 1.000.000 đồng gồm 30 phần. Bà H cũng tham gia 01 phần và sau khi hết xong bà H cũng không đóng đến tháng 4/2021 không đóng nữa. Cho đến khi hội mãn thì bà H còn thiếu bà L tổng cộng là 18.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ hai: Vào ngày 06/6/2020 ÂL, bà L làm chủ dây hội mệnh giá 2.000.000 đồng, gồm 30 hội viên và bà H có tham gia 02 phần. Sau khi hết bà H đóng đến tháng 4/2021 thì không đóng nữa và bà L đã choàng cho bà H 07 tháng tính đến ngày 19/11/2021. Sau đó bà H không đóng nên bà L phải tiếp tục choàng đến khi mãn hội với số tiền là 52.000.000 đồng. Tổng cộng bà H còn nợ bà L với số tiền 80.000.000 đồng.

Cũng trong ngày 06/6/2020 khai thêm phần hội mệnh giá 1.000.000 đồng gồm 30 phần. Bà H cũng tham gia 01 phần và sau khi hết xong bà H cũng đóng đến tháng 4/2021 không đóng nữa. Đến ngày 19/11/2021, bà H còn thiếu lại 7.000.000 đồng và số tiền tiếp theo đến khi mãn hội là 11.000.000 đồng. Tổng cộng là 18.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ ba: Vào ngày 15/5/2020 ÂL, bà L làm chủ dây hội mệnh giá 5.000.000 đồng, gồm 30 hội viên và bà H có tham gia 02 phần. Sau khi hết bà H đóng đến tháng 4/2021 thì không đóng nữa. Dây hội này bà H còn thiếu bà L 50.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ tư: Vào ngày 25/02/2021 ÂL, bà L làm chủ dây hội mệnh giá 5.000.000 đồng, gồm 30 hội viên và bà H có tham gia 09 phần. Sau khi hết bà H đóng đến tháng 4/2021 thì không đóng nữa. Dây hội này bà H còn thiếu bà L 315.000.000 đồng. Bà L tiếp tục choàng đến khi mãn hội với số tiền 1.240.000.000 đồng. Trước đây bà L có khởi kiện yêu cầu bà H phải trả 1.240.000.000 đồng đối với dây hội này. Tuy nhiên, quá trình làm việc bà H chỉ thừa nhận có chơi 06 phần hội, vì vậy bà L chỉ yêu cầu bà H trả số tiền của 06 phần hội là 840.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ năm: Vào ngày 04/01/2019 ÂL, bà L làm chủ dây hội mệnh giá 2.000.000 đồng, gồm 30 hội viên và bà H có tham gia 05 phần. Sau khi hết bà H đóng đến tháng 4/2021 thì không đóng nữa. Dây hội này bà H còn thiếu bà L 20.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ sáu: Vào ngày 10/11/2020 ÂL, bà L làm chủ dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, gồm 30 hụi viên và bà H có tham gia 02 phần. Sau khi hốt bà H đóng đến tháng 4/2021 thì không đóng nữa. Đến ngày 19/11/2021, bà L đã choàng cho bà H là 70.000.000 đồng. Bà L phải choàng đến khi mãn hụi là 50.000.000 đồng. Tổng cộng bà H còn nợ bà L số tiền 120.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ bảy: Vào ngày 10/11/2019 ÂL, bà L làm chủ dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, gồm 30 hụi viên và bà H có tham gia 02 phần. Sau khi hốt bà H đóng đến tháng 4/2021 thì không đóng nữa. Đến ngày 19/11/2021, dây hụi này bà H còn thiếu bà L 28.000.000 đồng. Bà L tiếp tục choàng đến khi mãn hụi là 40.000.000 đồng nữa. Tổng cộng bà H còn nợ bà L số tiền 68.000.000 đồng.

Cũng trong ngày 10/11/2019 khai thêm phần hụi mệnh giá 1.000.000 đồng gồm 30 phần. Bà H cũng tham gia 01 phần và sau khi hốt xong bà H cũng không đóng nữa. Bà H còn thiếu lại 7.000.000 đồng. Sau đó bà L choàng đến khi mãn hụi với số tiền 10.000.000 đồng nữa. Tổng cộng bà H còn nợ là 17.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ tám: Vào ngày 30/8/2020 ÂL, bà L làm chủ dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, gồm 30 hụi viên và bà H có tham gia 02 phần. Sau khi hốt bà H đóng đến tháng 4/2021 thì không đóng nữa. Đến ngày 19/11/2021, dây hụi này bà H còn thiếu bà L 28.000.000 đồng. Bà L tiếp tục choàng đến khi mãn hụi là 60.000.000 đồng nữa. Tổng cộng bà H còn nợ bà L số tiền 88.000.000 đồng.

Cũng trong ngày 30/8/2020 khai thêm phần hụi mệnh giá 1.000.000 đồng gồm 30 phần. Bà H cũng tham gia 01 phần và sau khi hốt xong bà H cũng không đóng nữa. Bà H còn thiếu lại 7.000.000 đồng. Bà L tiếp tục choàng đến khi mãn hụi với số tiền 15.000.000 đồng nữa. Tổng cộng bà H còn nợ số tiền 22.000.000 đồng.

Tổng cộng bà H thiếu bà L tiền hụi là 1.611.000.000 đồng.

Trong các lần giao dịch hụi thì ông Trần Công Đ đều biết.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà H và ông Đ cùng liên đới trả cho bà L số tiền 1.611.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022, bị đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Giữa chị và bà Nguyễn Thị L chỉ có mối quan hệ vay mượn lẫn nhau chứ không có bà con gì. Chị và anh Được chồng chị không có đi làm gì, kinh tế chủ yếu do chăn nuôi và trồng trọt. Năm 2018, chị chăn nuôi thua lỗ, khi đó chồng chị bị bệnh nên chị có giấu anh Được vay chị L một số tiền, nhưng do không có khả năng trả tiền vay nên chị có chơi một số phần hụi do chị L làm chủ để hốt hụi đóng lời tiền vay. Hiện nay, chị chưa trả các khoản vay, chị thừa nhận có chơi một số phần hụi như sau:

- Hụi khai ngày 20/4/2020 ÂL, hụi 5.000.000 đồng, gồm 30 phần, chị chơi 03 phần, đã hốt hết, chị H đóng hụi chết đến tháng 4/2021 ÂL như chị L trình bày là đúng.

- Hụi khui ngày 20/4/2020ÂL, hụi 1.000.000 đồng, gồm 30 phần, chị chơi 01 phần, đã hốt hết, chị H đóng hụi chết đến tháng 4/2021 ÂL.

- Hụi khui ngày 06/6/2020ÂL, hụi 2.000.000 đồng, gồm 30 phần, chị chơi 02 phần, đã hốt hết, chị H đóng hụi chết đến tháng 4/2021 ÂL.

- Hụi khui ngày 15/5/2020ÂL, hụi 5.000.000 đồng, gồm 30 phần, chị chơi 02 phần, đã hốt hết, chị H đóng hụi chết đến tháng 4/2021 ÂL.

- Hụi khui ngày 04/01/2019ÂL, hụi 2.000.000 đồng, gồm 30 phần, chị chơi 05 phần, đã hốt hết, chị H đóng hụi chết đến tháng 4/2021.

- Hụi khui ngày 10/11/2020ÂL, hụi 5.000.000 đồng, gồm 30 phần, chị chơi 02 phần, đã hốt hết, chị H đóng hụi chết đến tháng 4/2021 ÂL.

- Hụi khui ngày 10/11/2019ÂL, hụi 2.000.000 đồng, gồm 30 phần, chị chơi 02 phần, đã hốt hết, chị H đóng hụi chết đến tháng 4/2021 ÂL.

- Hụi khui ngày 10/11/2019ÂL, hụi 1.000.000 đồng, gồm 30 phần, chị chơi 01 phần, đã hốt hết, chị H đóng hụi chết đến tháng 4/2021 ÂL.

- Hụi khui ngày 30/8/2020ÂL, hụi 2.000.000 đồng, gồm 30 phần, chị tham gia 02 phần, đã hốt hết, chị H đóng hụi chết đến tháng 4/2021 ÂL.

- Hụi khui ngày 30/8/2020ÂL, hụi 1.000.000 đồng, gồm 30 phần, chị tham gia 01 phần, đã hốt hết, chị H đóng hụi chết đến tháng 4/2021 ÂL.

Các phần hụi kê trên chị đồng ý chịu trách nhiệm trả cho bà L, chịu trách nhiệm đóng hụi chết đến khi mãn hụi. Riêng phần hụi khui ngày 25/02/2021ÂL, chị L khai chị chơi 09 phần, tuy nhiên, chị xác định chỉ chơi 06 phần và phần này bà L đã có đơn yêu cầu bên hình sự rồi, do liên quan sổ đỏ, chị không đồng ý chịu trách nhiệm trả trong hồ sơ dân sự này, yêu cầu để Cơ quan điều tra giải quyết.

** Tại Biên bản làm việc ngày 15/7/2022, bị đơn anh Trần Công Đ trình bày:*

Anh Trần Công Đ là chồng chị H, anh chị có đăng ký kết hôn. Vào năm 2016, anh Đ phát bệnh tràn dịch màng phổi phải điều trị thời gian dài, kinh tế gia đình một tay chị H đảm đương. Hiện nay, có nhiều người khởi kiện chị H đến Tòa án yêu cầu giải quyết tiền hụi, tiền vay, trong đó có những giao dịch anh biết và có những khoản anh không biết. Đối với bà Nguyễn Thị L ở B, L thì trước đây khoảng 10 năm, vợ chồng anh có giao dịch nhưng sau này thì anh không biết. Tuy nhiên, những khoản nợ của vợ anh nợ chị L, anh Đ cũng tự nguyện cùng có trách nhiệm với vợ anh trả nợ cho chị L.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hội đối với bà Trần Thị H và ông Trần Công Đ.

2. Buộc bà Trần Thị H và ông Trần Công Đ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền hội là 1.586.000.000đ (Một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2022, bị đơn bà Trần Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 06 dây hội (06 phần hội) mệnh giá 5.000.000 đồng khai ngày 25/02/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại đối với dây hội khai ngày 25/02/2021 vì bà cho rằng sau khi bà L khấu trừ tiền nợ mà bà đã vay của bà L thì số tiền hội còn lại là 240.000.000 đồng bà L vẫn chưa giao cho bà nên bà đề nghị bà L trả số tiền còn lại này cho bà hoặc khấu trừ vào số tiền nợ hội mà bà phải trả cho bà L. Đối với số tiền nợ hội của các dây hội khác thì bà đồng ý trả cho bà L.

** Bị đơn ông Trần Công Đ trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H.

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà H, nếu bà H cho rằng bà còn nợ tiền hội của bà H thì yêu cầu bà H phải cung cấp tài liệu để chứng minh. Bà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn không đồng ý nội dung kháng cáo của bà H. Cách thức tính số tiền hội của bị đơn đối với dây hội khai ngày 25/02/2021 với số tiền 690.000.000 đồng là không phù hợp. Bị đơn cũng đã xác nhận chữ ký trong các biên bản giao hội là của bị đơn. Bản án hình sự đã ghi nhận phần trách nhiệm dân sự là trừ số tiền 350.000.000 đồng trong số tiền mà bà H đã vay của bà L, còn tiền nợ hội trong vụ án dân sự thì bà H vẫn phải có trách nhiệm trả cho bà L. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hội đối với dây hội khai ngày 25/02/2021 với số tiền 840.000.000 đồng là đúng quy định, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ

luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 56/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui là 1.611.000.000 đồng. Số tiền nợ hui đối với các dây hui khai ngày 20/4/2020 ÂL (tháng tư sau-năm 2020 có 02 tháng tư, hui 5.000.000 đồng); ngày 20/4/2020 ÂL (tháng tư sau, hui 1.000.000 đồng); ngày 06/6/2020 ÂL (hui 2.000.000 đồng); ngày 06/6/2020 ÂL (hui 1.000.000 đồng); ngày 15/5/2020 ÂL (hui 5.000.000 đồng); ngày 04/01/2019 ÂL (hui 2.000.000 đồng); ngày 10/11/2020 ÂL (hui 5.000.000 đồng); ngày 10/11/2019 ÂL (hui 2.000.000 đồng); ngày 10/11/2019 ÂL (hui 1.000.000 đồng); ngày 30/8/2020 ÂL (hui 2.000.000 đồng); ngày 30/8/2020 ÂL (hui 1.000.000 đồng), bị đơn bà Trần Thị H đều thống nhất với nguyên đơn. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, nguyên đơn và bị đơn cũng không có kháng cáo đối với số tiền nợ hui của các dây hui này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Đối với dây hui khai ngày 25/02/2021 ÂL, bà L yêu cầu bà H, ông Đ phải trả số tiền nợ hui là 840.000.000 đồng, tuy nhiên bà H không đồng ý vì bà cho rằng bà L chưa giao đủ tiền hui cho bà sau khi bà L đã khấu trừ số tiền mà bà đã vay của bà L.

Xét thấy, tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022 và đơn kháng cáo đề ngày 08/9/2022, bà H xác định dây hui khai ngày 25/02/2021 ÂL gồm 30 phần, bà tham gia 06 phần trong dây hui này và đã hốt; đồng thời tại Tờ giấy viết tay do bà H cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, bà H có ghi “ngày 25, tháng 3, tôi có hốt 6 phần hui, 5 triệu, tôi có trừ 350 (ba trăm năm mươi triệu...)”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng thừa nhận chữ ký trong các bản thỏa thuận giao hui là của bà. Việc bà H cho rằng bà L chưa giao đủ tiền hui cho bà nhưng bà không cung cấp được tài liệu để chứng minh và sau thời điểm hốt hui bà H cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã đóng lại các phần hui chết cho bà L. Căn cứ Công văn số 669/VPCQCSĐT ngày 24/8/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre thì việc giải quyết tranh chấp tiền hui giữa bà Nguyễn Thị L với bà Trần Thị H là quan hệ pháp luật dân sự, không thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà H, ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hui chết đối với 06 dây hui khai ngày 25/02/2021 ÂL với số tiền là 840.000.000 đồng là có căn cứ. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhân định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Cu thể tuyên:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Điều 468; 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hui đối với bà Trần Thị H và ông Trần Công Đ.

2. Buộc bà Trần Thị H và ông Trần Công Đ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền hui là 1.586.000.000đ (*Một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- ### 3. Về án phí dân sự:

- ### 3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị H, ông Trần Công Đ phải chịu án phí là 59.580.000đ (Năm mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 49.040.000đ (Bốn mươi chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0003478 ngày 30/12/2021 và 0009281 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Bà L được hoàn lại số tiền chênh lệch là 47.790.000đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào biên lai thu số 0009444 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện B (1b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt